

GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC LAO ĐỘNG TRI THỨC – BÀI HỌC MINH TRỊ DUY TÂN VÀ TRUNG QUỐC KHOA GIÁO HƯNG QUỐC

NGUYỄN VĂN HỒNG^(*)

Nhận thức con đường và tìm biện pháp đào tạo nguồn lực tri thức một cách có hiệu quả luôn là chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà chính trị - kinh tế - lịch sử - văn hóa.

Nội dung chính của bài viết dưới đây tập trung xem xét truyền thống giáo dục Đông Á và tác động của nó qua hiện tượng Duy Tân Minh Trị Nhật Bản cùng chiến lược “Khoa giáo hưng quốc” của Trung Quốc; đồng thời gợi mở đôi điều suy ngẫm về những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc phát hiện, thu hút, sử dụng, đãi ngộ lao động tri thức và nhân tài giai đoạn hiện nay.

I. Giáo dục yếu tố hiếu học – Trí tuệ Đông Á

Nhật Bản Minh Trị Duy Tân tự cường bắt đầu từ giáo dục

Cho đến nay câu hỏi vì sao các nước Đông Á lại xuất hiện những hiện tượng tăng trưởng liên tục, bền vững với tốc độ đáng ngạc nhiên vào những năm 1970-1990, đặc biệt là hiện tượng Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore...; Và ngược thời gian là hiện tượng thần kỳ Nhật Bản (xuất hiện hai lần). Sau Duy Tân Minh Trị, Nhật Bản đã nhanh chóng trở thành đế quốc phát triển mạnh ở châu Á vào cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX, và lần II vào thời kỳ sau Thế chiến II, trên đồng hoang tàn của chiến tranh bom đạn, Nhật Bản hồi sinh xuất hiện như hiện tượng quốc gia phát triển hàng đầu ở châu Á. Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ năm

1997, châu Á nhanh chóng ổn định và nhiều quốc gia khu vực lại trở về mức tăng trưởng với tốc độ ổn định.

Có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là do con người Đông Á có một truyền thống Nho giáo hiếu học, tự cường, biết học hỏi tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến nên đã có những bước nhảy vọt. Lời giải đáp còn chưa thể thuyết phục, thoả mãn mọi người.

Nhưng rõ ràng ở các quốc gia Đông Á, truyền thống hiếu học Nho giáo như thấm sâu vào huyết quản, trở thành một tâm lý, một phương cách ứng xử tu thân, một cứu cánh của người dân xã hội văn minh nông nghiệp: “Nhất sĩ nhì nông”, “nhân bất học bất tri lý”. Cái đạo sống, cái đạo làm người, con đường tu dưỡng đi lên của

^(*) PGS. Trường đại học KHXH&NV

con người Nho giáo thành cảm nang vào đời là “học”. Gần đây trên tờ *Thanh niên online* ngày 28/10/2008 có đăng tải ý kiến của ông Lý Quang Diệu – Cựu Thủ tướng Singapore-, nói về nhân tài. Ông nói với thế hệ trẻ rằng “chính kiến thức đem lại cho bạn cuộc sống tốt đẹp... Bạn phải xác định rõ ràng kiến thức học tập và ứng dụng kiến thức vào công việc là cái đem lại cho bạn một cuộc sống tốt” (1).

Tôi mừng tượng như ông diễn dịch câu minh triết trong chương đầu tiên *Học nhi* của Luận ngữ “*Học nhi thời tập chí*”. Học phải luôn hành, luôn ứng dụng đúng lúc để đem lại hiệu quả cao.

Việc học tập nâng cao tri thức, đưa tri thức đúng lúc áp dụng vào cuộc sống như một nguyên lý quan trọng làm cảm nang cho con người vào đời một cách có hiệu quả. Nó thành một tâm đạo phổ biến ở các dân tộc Đông Á. Việt Nam thường nói “Tôn sư trọng đạo”. Thầy dạy và đạo học phải được coi trọng.

Nhật Bản có truyền thống hiếu học, thực học, tầng lớp quý tộc võ sĩ Samurai phải khắc khổ rèn luyện cầm gươm và cầm bút cho giỏi để xứng đáng với truyền thống. Thời kỳ Duy Tân 1868, với tinh thần Võ Sĩ đạo đó người Nhật đã học, cả dân tộc học; phái đoàn tham quan Duy Tân đứng đầu là đại thần Iwakura Tomoni dẫn đầu khoảng 50 thành viên đi tham quan học tập ở 12 nước Âu, Mỹ đến 1 năm 10 tháng. Họ đại diện cho cả dân tộc, lãnh nhiệm vụ của Thiên Hoàng và chính phủ đi học và để thi hành cải cách (2). Ở đây tôi muốn nhấn mạnh về chiếc chìa khoá giáo dục có ý nghĩa bắt đầu, và không ngừng tác dụng đối với một quốc gia muốn hưng thịnh. Nhật Bản là một ví dụ.

Cuốn sách “100 năm sau Minh Trị” của Bộ Ngoại giao Nhật Bản xuất bản năm 1973, về phần giáo dục với tiêu đề

“Giáo dục - một yếu tố chủ yếu” đã cho ta những thông tin định giá quan trọng về giáo dục. Các nhà cầm quyền thời Minh Trị rất coi trọng vấn đề nâng cao trình độ học thức của đại chúng. Họ ý thức rằng “*nhân công hữu hiệu là cần thiết cho việc sáng lập những kỹ nghệ mới*” (2).

Như chúng ta đã biết chỉ sau một năm Nhật Hoàng Minh Trị lên nắm quyền, bắt đầu công việc cải cách từ 1869 Chính phủ thành lập “Văn phòng điều tra học đường” ở các phủ huyện, bước đầu cho việc hình thành chế độ quản lý giáo dục mới. Năm 1871 thành lập Bộ giáo dục, quyết định chương trình hoạt động của các ngành thuộc về văn hoá, giáo dục, tôn giáo. Đây là văn bản quy định thể chế của nền giáo dục cải cách Minh Trị Nhật Bản. Đồng thời chính phủ soạn thảo “Chế độ giáo dục của các học đường quốc gia”, giáo dục đã tạo lực hình thành xu hướng phát triển trên cơ sở tạo ra nhiều nhân tố con người, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội trong mối quan hệ hữu cơ. Những bước đi ban đầu về chủ trương coi giáo dục là chìa khoá cơ bản, phục vụ cho sự chuyển mình phát triển lâu dài của xã hội. Bộ giáo dục thành cơ quan thực thi cụ thể của cải cách giáo dục cùng với cuộc cải cách kinh tế, nền giáo dục cải cách đào tạo nguồn nhân lực con người. Năm 1872 như là mốc quy tụ ý nghĩa xã hội Nhật, nhà nước Minh Trị ban bố học chế. Xác định xu hướng phát triển giáo dục, xây dựng phương châm hành động và thể chế phát triển nền giáo dục hiện đại.

“Đặc điểm và tính chất của cải cách giáo dục thời Minh Trị Duy Tân đưa đến khẳng định sự phát triển của nền giáo dục mang dấu ấn lịch sử rõ nét. Những dấu ấn lịch sử ấy phải chăng là sự đổi mới phù hợp với điều kiện lịch sử xã hội, là sự đóng góp tạo nhân tài, vật lực cho nền kinh tế phát triển, là cơ sở để hấp thụ

những kiến thức văn minh khoa học kỹ thuật của loài người đã phát triển mạnh mẽ ở phương Tây. Đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của những năm 1868 mới thấy hết vị trí giáo dục đóng vai trò chiến lược quan trọng trong hướng đi lên của Nhật Bản” (2).

Bộ giáo dục Nhật Bản đã hành động thể hiện vai trò lịch sử của mình, ban bố một chế độ giáo dục mới gồm 3 mục tiêu:

** Đặt cải cách giáo dục lên hàng đầu trong chính sách phát triển của quốc gia.*

** Cải cách giáo dục nhằm đạt đến những thành quả khoa học kỹ thuật của các nước tiên tiến Tây Âu.*

** Cải cách nhằm vào hạ tầng cơ sở nhân dân, không một giới nào, người nào không có cơ hội được hưởng giáo dục, nhất là thực nghiệm và kỹ thuật (3).*

Những thành tích mà nền kinh tế Nhật Bản đạt được trong kỷ nguyên Minh Trị là bằng chứng chân thực nhất, sinh động nhất, thể hiện giá trị to lớn của nền giáo dục mới với việc phổ cập giáo dục đến quần chúng, và trang bị trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại phù hợp với từng giai đoạn phát triển của con người và xã hội Nhật Bản.

Chế độ giáo dục mới của Nhật Bản mang nội dung tạo nên tố chất con người, nó hoàn toàn phục vụ cho bước nhảy vọt kinh tế. Nó tạo nên một nguồn lực phong phú, bền vững đáp ứng bước tiến kịp thời đại của Nhật Bản thực hiện tạo nguồn tâm huyết của dân tộc kỳ diệu này.

“Học tập phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt phương Tây” (4).

Có lẽ đây là bài học sớm nhất của các quốc gia Đông Á khi tìm đường hội nhập với thế giới giữa thế kỷ XIX. Bài học của Nhật Bản lấy giáo dục làm chìa khoá,

bước khởi đầu tạo nên xung lực và cơ sở bền vững để tiến xa.

Phải tạo nguồn lực con người với tố chất đầy đủ đáp ứng cho phát triển. Giáo dục phải đi cùng và phục vụ cho kinh tế, khoa học và mọi mặt phát triển; nếu không nói là cần đi sớm một bước.

Thực tế lịch sử như chứng minh nguyên lý là: Các nước Đông Á muốn phát triển bắt kịp thế giới đều phải nắm chắc chìa khoá giáo dục đào tạo và nắm khoa học-kỹ thuật. Các nước Đông Á đạt được thành tựu ngày nay chính đã bắt đầu từ giáo dục và khoa học-kỹ thuật.

II. Chiến lược “Khoa giáo hưng quốc” - Tầm vóc trí tuệ của dân tộc Trung Hoa trước sự phát triển của quốc gia và thời đại

Trung Quốc là một nước có nền văn hoá, văn minh lâu đời, có một gia tài văn hoá đạo đức ứng xử và phát triển. Bằng nguyên lý “giải phóng tư tưởng” “thực sự cầu thị”, “thực tiễn kiểm nghiệm chân lý”, Trung Quốc kế thừa văn hoá ưu tú dân tộc, thời đại và bằng trải nghiệm của mình, Trung Quốc đã tuyên bố chiến lược khoa học-kỹ thuật và giáo dục chấn hưng Trung Hoa.

Có lẽ đây là một nhận thức được rút ra từ tố chất con người văn hoá Trung Hoa và sự thấu hóa văn hoá thế giới, thời đại. Những người con trí tuệ ưu tú của nhân dân Trung Hoa đã chiêm nghiệm qua những bài học lịch sử:

1- “Cách mạng văn hoá”, đóng cửa trường học 10 năm, phá hoại gia tài văn hoá Trung Hoa. Người Trung Quốc đã trải qua đủ sự đau khổ của bảo thủ, giáo điều, lạc hậu, thụt lùi và nghèo đói.

2- Bước vào xây dựng kinh tế Trung Quốc đã nhận thức rõ sự thiếu tri thức của cán bộ vì thiếu trang bị học vấn; thiếu khoa học-kỹ thuật. Trường học được mở cửa trở lại do yêu cầu thực tế.

3- Trung Quốc thấy rõ muốn tiến kịp và vượt trước thế giới phải giải quyết vấn đề khoa học-kỹ thuật. Và giáo dục “Khoa giáo hưng quốc” trở thành chiến lược phát triển.

Từ năm 1988, Đặng Tiểu Bình đã đề ra “Khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu” (5). Ngày 1/7/2001, trong lễ kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, Giang Trạch Dân lại nhắc “Khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu, hơn nữa, là tập trung sức sản xuất tiên tiến và là tiêu chí chủ yếu”.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đặc biệt chú ý đầu tư cho khoa học giáo dục. Năm 2000, tổng kinh phí cho nghiên cứu khoa học và phát triển của Trung Quốc lên tới 90 tỷ NDT, so với năm trước tăng 18%, và hàng năm đều tăng.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chú ý đến việc cần phải thực thi chiến lược khoa học giáo dục hưng quốc đến từng địa phương “Khoa giáo hưng tỉnh”

Các Viện, Sở thuộc Trung ương đã hợp tác với các địa phương thực hiện hơn 1300 đề tài, giúp các xí nghiệp sản xuất địa phương làm tăng giá trị sản xuất tới 13 tỷ NDT, thu lợi nhuận 1 tỷ NDT.

Các trường đại học và cao đẳng là một đội quân sáng tạo trong khoa học, đã gánh vác tới 70% hạng mục nghiên cứu khoa học tự nhiên. Năm 2001, có tới 250 công trình được giải thưởng quốc gia, chiếm 50,3% tổng số; có 1022 công trình được giải thưởng phát minh kỹ thuật, chiếm 34,3% tổng số (5).

Đâu đâu cũng thấy một không khí từng bừng tiến quân vào khoa học, sôi nổi học tập, cải cách tổ chức giáo dục, lao động trí tuệ vì sự chuyển mình của đất nước Trung Hoa. Sinh viên, nghiên cứu sinh mang những lý thuyết khoa học vào

môi trường thực tế ứng dụng sản xuất và trong thực tiễn thực hành sáng tạo.

1. Phát triển phải bắt đầu từ đào luyện nhân lực. Giáo dục là kế lớn căn bản, lâu dài của một dân tộc

Ngày nay, sự phát triển của một quốc gia được người ta nhìn nhận và so đo bằng những con số kinh tế, vì đây là mặt nổi nhất, có liên quan trực tiếp đến cuộc sống của con người. Những con số sản xuất công nghiệp, những thành tựu sản xuất nông nghiệp, buôn bán trao đổi trên thị trường, những thu nhập - đó là những điều trực tiếp để khẳng định, chứng minh cho sự phát triển. *Nhưng chúng ta biết, sự phát triển này đều do con người mà có, nói cho cùng nhờ trí tuệ, lao động của con người tạo nên.*

Trí tuệ của một dân tộc, tố chất của một dân tộc là cơ sở bền vững quyết định sự phát triển tốc độ lâu dài. Đó là cách nhìn của tầm xa có tính chiến lược “*Muốn bốn hiện đại hóa phải dựa vào trí thức, dựa vào nhân tài. Chính sách sai có thể dễ dàng sửa chữa, còn trí thức thì không thể lập tức được, nhân tài cũng không phải một hai ngày mà đào tạo được, chính điều đó phải nắm giáo dục. Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài là kế lớn căn bản dài lâu. Giáo dục là sự nghiệp căn bản của một dân tộc*” (6).

Bài học chưa xót 10 năm “Đại Cách mạng văn hóa”, đóng cửa trường học, coi thường (thậm chí đày đọa) đội ngũ trí thức đã làm cho Trung Quốc thụt lùi hàng chục năm. Đặng Tiểu Bình đã thừa nhận: “Sai lầm lớn nhất của “Đại Cách mạng Văn hóa” là để mất 10 năm đào tạo nhân tài. Bây giờ cần phải nắm vững phát triển sự nghiệp giáo dục” (6).

Ngày 8/8/1977 trong Hội nghị tọa đàm về công tác khoa học và giáo dục, Đặng Tiểu Bình đã đặt vấn đề và khẳng

định “muốn đuổi kịp trình độ thế giới phải bắt đầu từ khoa học và giáo dục” (6).

Ngày 26/5/1995, trong Đại hội khoa học kỹ thuật toàn quốc Giang Trạch Dân đưa ra chiến lược “Khoa giáo hưng quốc” (6).

2. Nhận rõ vai trò, vị trí của trí thức, khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất hàng đầu.

Ngay từ năm 1975 đến trước cuộc cải cách mở cửa, Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng Cộng sản đã tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại những quan điểm sai lầm của bè lũ bốn tên. Đặng Tiểu Bình đã phê phán và đưa ra quan điểm cho rằng “Khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất. Nhân viên khoa học kỹ thuật là người lao động” (6). Quan điểm này đã thu hút được cả một đội ngũ đông đảo trí thức khoa học đang bị nghi ngờ, coi thường, bị đẩy đọa ra vùng biên viễn, hãm mỏ, tham gia lao động cơ bắp để “cải tạo” trở về phần khởi lao động sáng tạo cống hiến cho công cuộc hiện đại hóa đất nước.

Muốn thực hiện hiện đại hóa, phải phát triển khoa học kỹ thuật. Nhưng “phát triển khoa học-kỹ thuật, không thể không nắm giáo dục được. Nói suông không thể thực hiện hiện đại hóa, cần phải có trí thức, có nhân tài, không nhân tài làm sao mà tiến lên được” (6).

Đặng Tiểu Bình lúc đó đã đưa ra con số so sánh thật khích động và lo lắng: “Mỹ có 120 vạn người làm công tác nghiên cứu, Liên Xô có 90 vạn, còn Trung Quốc chỉ có 20 vạn, mà bao gồm cả già yếu, bệnh tật, người không dùng được”. Có lẽ đằng sau những con số trên, ông còn trần trụi là Trung Quốc có tới trên 1 tỷ cư dân, so với Mỹ, Liên Xô, đông gấp đến 4,5 lần, mà tỷ lệ đội ngũ khoa học lại quá thấp. Đó chỉ là sự thiếu hụt một đội ngũ khoa

học ngay từ con số đơn thuần, mà chưa nói đến những cơ sở về chất, vốn tri thức và sự đồng bộ tổ chức hợp lý của nó.

Mối quan hệ hữu cơ giữa vấn đề khoa học-kỹ thuật và vấn đề giáo dục đã được đặt trong mối tương quan nắm giáo dục và giáo dục đào tạo là một quá trình lâu dài “từ tiểu học đến trung học, đại học”. Đặng Tiểu Bình dự báo và tin rằng “20 năm sau sẽ có kết quả”.

Trước khi cách mạng Văn hóa nổ ra một năm, nhân viên khoa học kỹ thuật toàn quốc có 2,45 triệu người, đến năm 1997 đã có tới hơn 10 triệu người, và trong đó đặc biệt có hơn 5 triệu người tiến quân vào trận tuyến chính xây dựng kinh tế. Nếu tính nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp thì con số tới 20-30 triệu (7).

Sự phát triển mạnh mẽ của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đã góp sức đem lại biết bao thành tựu khoa học mà Trung Quốc đạt được trong 59 năm qua (1949-2009), đặc biệt là trong hơn 30 năm cải cách mở cửa. Như chúng ta biết, trong mấy chục năm qua, mỗi năm ngân sách tài chính được cấp chiếm đến gần 14% tổng chi tài chính nhà nước, tương đương 3% GDP. Các trường đại học và cao đẳng, phổ thông hàng năm tuyển khoảng 2,7 triệu học sinh, sinh viên, số lưu học sinh của Trung Quốc trong 30 năm có tới 1,2 triệu từ 108 quốc gia, khu vực đào tạo về nước. Tính tới nay 77% hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, 84% viện sĩ, 62% tiến sĩ là người đã từng đi du học ở nước ngoài. Chính lực lượng không nhỏ này đã và đang góp sức làm biến đổi Trung Quốc.

3. Chính sách đào tạo sử dụng, đãi ngộ, tôn trọng trí thức nhân tài

Báo cáo tại Hội nghị cán bộ từ cấp thứ trưởng trở lên của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, chính quyền và

quân sự ngày 2/11/1978, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh “cán bộ cao cấp cần phải đi đầu phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng”, Ông đưa ra vấn đề xây dựng chế độ chức danh khoa học, vấn đề đào tạo và khẳng định nhân tài, đề bạt và chế độ đãi ngộ tiền lương, chống lại chế độ bình quân chủ nghĩa, chống lại cách nhìn cũ là thủ trưởng đơn vị thì lương cao nhất cơ quan. Trung Quốc đã có cách nhìn nhận đánh giá khoa học mới: Nghiên cứu viên giỏi có thể lương cao hơn viện trưởng, lương giáo sư có thể cao hơn lương hiệu trưởng”. “Và chỉ có vậy mới động viên, khích lệ cán bộ khoa học kỹ thuật phấn đấu, mới có thể phát hiện nhân tài”. “Cần phải chú ý giải quyết tốt vấn đề đãi ngộ đối với số trí thức cao cấp, phát huy tích cực, tôn trọng họ, chắc chắn sẽ có một lớp người cống hiến ngày càng nhiều”. “Phải nắm vững công tác đào tạo, bồi dưỡng tuyển chọn nhân tài mới có thể tiến hành được 4 hiện đại hóa” (6).

Để đào tạo và tập hợp được đội ngũ nhân tài đất nước không chỉ có nhận thức lý luận mà phải bắt tay thực thi. Chính phủ Trung Quốc đã đặt vấn đề bắt đầu từ đào tạo, ươm mầm nhân tài, quan tâm từ giáo dục trẻ em đến trung học, đại học.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chú ý tới việc chăm sóc đời sống đội ngũ giáo viên, tôn trọng vai trò người thầy, bồi dưỡng chuyên môn, tư tưởng, giải quyết khó khăn ngay trong cuộc sống, hợp lý hóa gia đình; cũng như tạo điều kiện để cán bộ khoa học chuyên tâm nghiên cứu”. Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài, từ những chính sách cụ thể.

Trong hơn nửa thế kỷ từ khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, nền giáo dục dân chủ mới đã thay thế nền giáo dục nửa thuộc địa phong kiến, Trung Quốc hướng ra thế giới tương lai, hướng tới hiện đại hóa, thể hiện ngay ở

sự gia tăng ngày một nhiều số lượng lưu học sinh, nghiên cứu sinh, các cán bộ Trung Quốc đi tu nghiệp ở nước ngoài. Ngoài ra, Trung Quốc có một số lượng khá đông người Hoa là những nhà khoa học lớn, kỹ nghệ gia, nhân viên kỹ thuật tiên tiến ở hàng chục nước trên thế giới, như Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản,... Cũng với tầm nhìn chiến lược như vậy, Trung Quốc đã triển khai kế hoạch mở cửa đón mời, tạo điều kiện sinh hoạt tốt cho các nhà khoa học là Hoa kiều phục vụ cho tổ quốc. Đồng thời tiếp thu và khai thác có hiệu quả các thành tựu khoa học mà các quốc gia phát triển và nhân loại đã đạt được, Trung Quốc mời các học giả nổi tiếng nước ngoài đến giảng bài. Trung Quốc coi đó là cách rất tốt để khai thác chất xám.

Thần Châu 7 của Trung Quốc ngày 25/9/2008 đưa 3 nhà phi hành đã bay vào vũ trụ và trở về trái đất thành công. Đó là kết quả biểu trưng của trí tuệ nhân dân Trung Quốc phấn đấu dưới lá cờ của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong hơn nửa thế kỷ - một kết quả nổi bật của công cuộc xây dựng và phát triển giáo dục khoa học và kinh tế xã hội.

Đó cũng chính là thắng lợi của chiến lược “Khoa giáo hưng quốc”, thắng lợi của truyền thống Văn hóa giáo dục của Trung Quốc.

III. Đôi điều suy nghĩ

Về mặt đào tạo, sử dụng, đãi ngộ trí thức nhân tài, đến nay chúng ta còn tồn tại bao điều bất cập

1. Chủ trương và biện pháp phát hiện bồi dưỡng nhân tài còn chưa cụ thể, thiếu kế hoạch, biện pháp tạo nên hiệu quả thiết thực. Ta còn chạy theo số lượng, quên chất lượng, đánh giá cán bộ khoa học theo cách bầu bán, làng xã truyền thống: Dĩ hòa vi quý.

2. Đào tạo nghiên cứu sinh, phân bố các ngành nghề: nội dung đào tạo chưa có kế hoạch sát sao, chạy theo số lượng một cách cảm tính, tùy tiện; nội dung đào tạo, chất lượng chuyên môn, mục tiêu sử dụng, hiệu quả đối với phát triển xã hội đều chưa tính toán thật đầy đủ. Thiếu cán bộ giỏi, thừa cán bộ có bằng cấp mà không có thực lực phục vụ.

Các đề tài nghiên cứu khoa học còn chưa xem xét đầy đủ đến khả năng thực thi và hiệu quả sử dụng trong thực tế, nhất là về khoa học xã hội, nhiều đề tài hàng tỷ đồng nhưng giá trị sử dụng, tác dụng trong thực tiễn là bao không được thực tiễn chứng minh.

3. Trí thức có năng lực thực sự chưa được sử dụng đầy ngộ đúng. Ta lãng phí cả ở khâu đào tạo và sử dụng.

4. Vấn đề tiêu chuẩn đức tài, mối quan hệ hữu cơ giữa hai mặt đều còn mơ hồ.

Trung Quốc đã có tiêu chí lý luận “Thực tiễn kiểm nghiệm chân lý” là một kinh nghiệm đáng để ta suy ngẫm.

Mặc dù Đảng, Chính phủ ta đã nhận ra nhiều vấn đề có liên quan đến lực lượng trí thức khoa học - kỹ thuật, xây dựng đội ngũ và sử dụng đội ngũ trí thức, các nhà lãnh đạo cũng khá tâm huyết trong công cuộc vun trồng, tập hợp lực lượng lao động trí tuệ cho quyết sách phát triển đất nước để bước vào giai đoạn hội nhập; Song cho đến nay ta vẫn còn nhiều lúng túng; Và thực ra ta chưa có một chủ trương kế hoạch có tầm chiến lược và có chủ trương đột phá hiệu quả.

Bài học đào tạo, sử dụng, đãi ngộ nhân tài của Trung Quốc trên con đường phát triển hội nhập là một bài học mang tính thời sự nóng hổi đối với chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thanhnien.com.vn ngày 28/10/2008
2. Nguyễn Văn Hồng. Lịch sử giáo dục thời Minh Trị Duy Tân. H.: Giáo dục 1994.
3. Nước Nhật một trăm năm sau Minh Trị (một trăm năm canh tân). Bộ Ngoại giao Nhật, 1973.
4. Vĩnh Sính (Giáo sư Đại học Canada). Lịch sử cận đại Nhật bản. Văn hóa tùng thư. Tp. Hồ Chí Minh xuất bản 1990. Tham khảo: W. Scott Morton. Japan it's history and culture. Printed USA 1994, p.149-156.
5. Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam. H. , 2001 – 2002.
6. Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình. Giang Trạch Dân. Bàn về giáo dục (Tiếng Trung), Phòng tài liệu nghiên cứu của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bắc Kinh 2002.
7. Bản tin Đại sứ quán Trung Quốc 1/2000. Trương Thân Căn và Đoàn Mộc Thanh Hoa. Trung Quốc 30 năm cải cách mở cửa – Những quyết sách quan trọng (Tiếng Trung). Tứ Xuyên nhân dân xuất bản, 2008.
8. Robert Lawrence Kuhn. Giang Trạch Dân người đã thay đổi đất nước Trung Quốc. H.: Lao động, 2006.